

TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TOẢN
TỔ TOÁN

MA TRẬN BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026
MÔN TOÁN – LỚP 10 (Thời gian: 90 phút)

I. KHUNG MA TRẬN

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	MỆNH ĐỀ VÀ TẬP HỢP	- Mệnh đề toán học. Mệnh đề phủ định. Mệnh đề đảo. Mệnh đề tương đương. Điều kiện cần và đủ. - Tập hợp. Các phép toán trên tập hợp	1			2	2			1					3	3	0	1.75
2	BẮT PHƯƠNG TRÌNH, HỆ BẬC NHẤT HAI ẨN	Bắt phương trình, hệ bắt phương trình bậc nhất hai ẩn và ứng dụng	2											1 (1điểm)	2		1	1.5
3	HỆ THỨC LƯỢNG TRONG TAM GIÁC	Hệ thức lượng trong tam giác. Định lí cosin. Định lí sin. Công thức tính diện tích tam giác. Giải tam giác	2							1				1(1điểm)	2	3	2	2.0
4	VECTƠ	Vector, các phép toán (tổng và hiệu hai vector, tích của một số với vector, tích vô hướng của hai vector)	3			2	2				1			1 (0,5 đ)	4	3	2	2.75

		và một số ứng dụng trong Vật lí																
5	5. CÁC SỐ ĐẶC TRUNG CỦA MẪU SỐ LIỆU KHÔNG GHÉP NHÓM	Số gần đúng. Sai số Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu không ghép nhóm Các số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm	3	1						1			1 (0,5đ)		3	1	1	2
Tổng số câu			11	1	0	4	4	0	0	3	1	0	1	3	13	11	4	100
Tổng số điểm			2.75	0,25	0	1	1	0	0	1.5	0.5	0	0.5	2.5	3.75	3.25	3	10
Tỉ lệ %			30			20			20			30			37.5	32.5	30	100

II.BẢN ĐẶC TẢ

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
	TNKQ									Tự luận					
	Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai			Trả lời ngắn								
	B			H	VD	B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	
1	MỆNH ĐỀ VÀ TẬP HỢP	Mệnh đề toán học. Mệnh đề phủ định. Mệnh đề đảo. Mệnh đề tương đương. Điều kiện cần và đủ. Tập hợp. Các phép toán trên tập hợp	Biết:												
			– Nhận biết được mệnh đề, tính đúng/sai của một mệnh đề toán học trong những trường hợp đơn giản. -Biết các phần tử thuộc tập hợp	1 TD			13a ,b								
			Hiểu:												
			– Thực hiện được phép toán trên các tập					13cd			15 MH				

[illegible]

			– Mô tả được cách giải tam giác và vận dụng được vào việc giải một số bài toán có nội dung thực tiễn (ví dụ: xác định khoảng cách giữa hai địa điểm khi gặp vật cản, xác định chiều cao của vật khi không thể đo trực tiếp,...).												20 MH
4	VECTƠ	<i>Vectơ, các phép toán (tổng và hiệu hai vectơ, tích của một số với vectơ, tích vô hướng của hai vectơ) và một số ứng dụng trong Vật lí</i>	<i>Biết:</i>												
			– Nhận biết được khái niệm vectơ, vectơ bằng nhau, vectơ-không. -Nhận biết được các quy tắc, định nghĩa các phép toán vectơ, biểu thức tọa độ của các phép toán, định nghĩa và tính chất tích vô hướng.	6,7,8 TD			14a,b								
			<i>Hiểu:</i>												
			– Biểu thị được một số đại lượng trong thực tiễn bằng vectơ. – Thực hiện được các phép toán trên vectơ (tổng và hiệu hai vectơ, tích của một số với vectơ, tích vô hướng của hai vectơ)				14cd				17 GQ				

[illegible]

	LIỆU KHÔNG GHÉP NHÓM	- Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu không ghép nhóm - Các số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm	. – Xác định được số gần đúng của một số với độ chính xác cho trước. – Xác định được sai số tương đối của số gần đúng. – Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học trong Chương trình lớp 10 và trong thực tiễn.										
			9 QG			13a TD							
			Hiểu: – Tính được số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu không ghép nhóm: số trung bình cộng (hay số trung bình), trung vị (<i>median</i>), tứ phân vị (<i>quartiles</i>), một (<i>mode</i>). – Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. – Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu						18 TD			22 GQ	

			trong trường hợp đơn giản.												
			<i>Vận dụng:</i>												
			– Tính được số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu không ghép nhóm: khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai, độ lệch chuẩn. – Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. – Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản.												
Tổng số câu				11	1	0	4	4	0	0	3	1	0	1	3
Tổng số điểm				2.75	0,25	0	1	1	0	0	1.5	0.5	0	0.5	2.5
Tỉ lệ %				30			20			20			30		